

Số: **30** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **11** tháng **12** năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### **Ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 441/TTr-STP ngày 20 tháng 11 năm 2019.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **22** tháng **12** năm 2019 và thay thế Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động tiếp nhận, giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp về những quy định của pháp luật; xử lý những kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện các quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

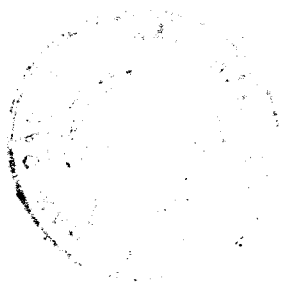
#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Hội doanh nhân trẻ;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NCPC (Hiền).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Ly Thái Hải**



## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12  
năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định hình thức, nội dung phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp); Trách nhiệm của các Sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (viết tắt là UBND cấp huyện) trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ngành cấp tỉnh.
2. UBND cấp huyện.
3. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Hội doanh nhân trẻ (viết tắt là tổ chức đại diện cho doanh nghiệp).
4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp).
5. Tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật được hỗ trợ pháp lý.

#### **Điều 3. Mục đích phối hợp**

Đảm bảo thực hiện kịp thời và thiết thực trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Qua hoạt động hỗ trợ pháp lý, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, từ đó góp phần giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị phối hợp.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này được thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, không phân biệt hình thức sở hữu, lĩnh vực hoạt động.

3. Phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thực hiện thường xuyên, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ và được xác định cụ thể tại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm và 5 năm của tỉnh. Chú trọng và quan tâm việc hỗ trợ pháp lý đối với các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tiếp cận thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh, thuế, bảo hiểm; trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận đến nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, khoa học và công nghệ.

## **Chương II**

### **HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**Điều 5. Phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp**

1. Các sở, ngành duy trì, cập nhật hệ thống danh mục cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Sở, ngành (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

2. Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan có liên quan cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng miễn phí thông tin đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử được nêu tại khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử của các Sở, ngành hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh thì doanh nghiệp có quyền đề nghị các cơ quan có liên quan kịp thời cập nhật và cung cấp văn bản đó theo quy định của Luật tiếp cận thông tin năm 2016.

**Điều 6. Phối hợp trong xây dựng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý**

1. Nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu

a) Các bản án, quyết định của tòa án; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai;

b) Các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tại Điều 9 Quy chế này trong giải đáp chung về pháp luật.

## 2. Trách nhiệm thực hiện

a) Các Sở, ngành có trách nhiệm cập nhật vụ việc, vướng mắc pháp lý do mình tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định (hoặc trả lời) theo thẩm quyền hoặc trực tiếp trả lời vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 9 Quy chế này lên Trang/Cổng thông tin điện tử của đơn vị và gửi 01 bản về Sở Tư pháp để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, tại chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”;

b) Đối với các bản án, quyết định của tòa án thực hiện theo Điều 16 Quy chế này.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý.

## **Điều 7. Phối hợp về xây dựng tài liệu và tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật**

1. Các Sở, ngành xây dựng tài liệu và tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật cho doanh nghiệp phải đảm bảo:

a) Các văn bản pháp luật được ban hành còn hiệu lực pháp luật;

b) Các tài liệu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

c) Việc tổ chức hội nghị, hội thảo để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật không trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; Chú trọng đến các đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

2. Sở Tư pháp chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện các nội dung tại Khoản 1 của Điều này.

## **Điều 8. Phối hợp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp**

1. Đối tượng bồi dưỡng kiến thức pháp luật: Gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

## 2. Nguyên tắc

a) Căn cứ nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nguồn lực đảm bảo thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của địa phương; Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sự phối hợp của các Sở, ngành, UBND cấp huyện với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;

c) Nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật thiết thực, liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp;

d) Người thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp là người có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn sâu để trình bày và trao đổi, thảo luận, giải đáp kịp thời vướng mắc của doanh nghiệp trong thi hành pháp luật.

### 3. Trách nhiệm phối hợp

a) Các Sở, ngành phối hợp với Sở Tư pháp trong việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

b) Phối hợp với UBND cấp huyện, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp thực hiện việc bồi dưỡng pháp luật.

## **Điều 9. Phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu các Sở, ngành, địa phương giải đáp đối với vướng mắc pháp lý về áp dụng chung pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

2. Các Sở, ngành, địa phương có trách nhiệm trả lời yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến yêu cầu giải đáp pháp luật); trường hợp nội dung phức tạp hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời hạn trả lời là 30 ngày làm việc.

Trường hợp yêu cầu giải đáp pháp luật không liên quan đến phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý thì các Sở, ngành, địa phương có trách nhiệm gửi đề nghị giải đáp pháp luật đến cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó để giải đáp, đồng thời thông báo cho doanh nghiệp về việc không tiếp nhận yêu cầu giải đáp và nêu rõ lý do.

3. Việc giải đáp pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

- a) Giải đáp bằng văn bản;
- b) Trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ngành, địa phương được đề nghị phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp có trách nhiệm:

- a) Giải đáp các nội dung theo đề nghị;
- b) Trực tiếp giải đáp pháp luật khi có đề nghị của cơ quan chủ trì tại các hội nghị, hội thảo;
- c) Phản ánh kịp thời vấn đề phát sinh để cơ quan chủ trì chủ động giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.

#### **Điều 10. Phối hợp tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật**

1. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp: Tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của hội viên thuộc tổ chức hội về hoàn thiện pháp luật, gửi các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước để tổng hợp.

2. Các Sở, ngành, địa phương có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và thông báo kết quả tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;
- b) Phân loại, tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện quy định pháp luật, gửi đến Sở Tư pháp trên cơ sở lồng ghép vào Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm của đơn vị.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh từ các Sở, ngành, địa phương, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp được nêu tại Khoản 1, 2 Điều này;
- b) Phối hợp với cơ quan có liên quan để xử lý theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

#### **Điều 11. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

1. Các Sở, ngành có trách nhiệm:

a) Thông báo về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của đơn vị mình đến Sở Tư pháp;

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cơ quan chuyên ngành Trung ương ban hành để Sở Tư pháp kịp thời tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hàng năm của tỉnh.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận thông tin về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các Sở, ngành có liên quan;

b) Phối hợp với các Sở, ngành để thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Chủ trì tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

### **Điều 12. Khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

Khi cơ quan chủ trì khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các Sở, ngành có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh phiếu khảo sát.

3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát.

4. Báo cáo kết quả khảo sát.

### **Điều 13. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

1. Nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

a) Chất lượng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện;

c) Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp trong thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm thực hiện

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh;

b) Các Sở, ngành: Thực hiện việc kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với lĩnh vực pháp luật do mình trực tiếp tham mưu quản lý nhà nước.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN**

### **Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND cấp huyện trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

1. Chủ động nắm bắt nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp và tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm chủ động thực hiện trong phạm vi chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của mình.

### **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp**

1. Chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ.

2. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là hội viên trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là thành viên.

3. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

### **Điều 16. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh**

Phối hợp cung cấp và chia sẻ các bản án, quyết định liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16

tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

**Điều 17. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí hỗ trợ khác (nếu có).

**Điều 18. Xử lý các vướng mắc, bất cập**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

